

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2019/DS-ST

Ngày: 22/11/2019

V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Trần Xuân Văn

2. Bà: Nguyễn Thị Vòng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐST-DS ngày 25/9/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-DS ngày 24/10/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 148/2019/TBMLPT – DS ngày 01/11/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1976 và anh Nguyễn Thế T; sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, V, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh Nguyễn Thế T đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị H tham gia tố tụng và quyết định mọi nội dung liên quan vụ việc theo giấy ủy quyền ngày 06/9/2019. Chị Nguyễn Thị H có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành V, sinh năm: 1971 và chị Trần Thị N, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số nhà 12, Ngõ 1, đường P, Tổ dân phố 3, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N vắng mặt lần thứ ba không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Do có mối quan hệ biết nhau từ trước vợ chồng tôi Nguyễn Thị H và Nguyễn Thế T có cho vợ chồng anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N vay tổng số tiền 365.000.000 đồng qua 03 lần khác nhau:

Lần 1: Vào ngày 15/3/2017 vợ chồng tôi cho vợ chồng anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N vay số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn trả nợ đến ngày 29/3/2017;

Lần 2: Ngày 01/4/2017, vợ chồng tôi tiếp tục cho vợ chồng anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N vay thêm số tiền 140.000.000 đồng. Phía anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N hứa sẽ dùng số tiền này làm thủ tục visa cho chồng tôi đi xuất khẩu lao động, thời hạn trả nợ đến ngày 01/5/2017.

Lần 3: Ngày 15/02/2018, vợ chồng tôi cho chị N vay số tiền 85.000.000 đồng. Chị N hẹn 60 ngày sau sẽ trả. Tức là hạn cuối vào ngày 16/4/2018.

Khi đến hạn trả nợ cả ba khoản vay trên thì vợ chồng anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho vợ chồng chúng tôi. Dù nhiều lần chúng tôi hối thúc và tạo điều kiện thanh toán cho vợ chồng anh V chị N nhưng đều không có kết quả. Vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, vợ chồng tôi đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới:

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc cho chúng tôi là 365.000.000 đồng theo các giấy tờ nhận nợ được xác lập giữa các bên vào các ngày 15/3/2017; 01/4/2017; 15/02/2018.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền lãi theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 0,75%/tháng trên tổng số tiền nợ nói trên tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 29/3/2017 với khoản nợ 140.000.000 đồng, ngày 01/5/2017 với khoản nợ 140.000.000 đồng; ngày 16/4/2018 với khoản nợ 85.000.000 đồng cho đến nay, cụ thể là:

Lãi lần 1: $140.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 20 \text{ tháng} = 21.000.000 \text{ đồng}$

Lãi lần 2: $140.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 19 \text{ tháng} = 19.950.000 \text{ đồng}$

Lãi lần 3: $85.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% \times 7 \text{ tháng} = 4.460.000 \text{ đồng}$

Tổng cộng cả gốc và lãi yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 410.410.000 đồng tạm tính đến ngày khởi kiện.

* Đối với bị đơn: Ngày 04 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tường trình của chị Trần Thị N gửi theo đường bưu điện. Đơn đề ngày 22/8/2019 với nội dung chị trình bày đã biết vụ việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” mà Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H, sinh

năm 1976 và anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1976 có địa chỉ Tổ dân phố 2, V, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; trong đơn chị thừa nhận và cam kết đến hết dương lịch này vợ chồng chị về thì anh chị xin trả tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi trả theo lãi ngân hàng và trả sau tiền gốc; đồng thời chị cho rằng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T có một số hành vi vi phạm pháp luật. Chị trình bày trong đơn thể hiện hiện nay vợ chồng anh chị đang gặp khó khăn chưa có tiền trả nợ, đề nghị Tòa án xem xét cách và phương thức trả nợ giúp vợ chồng anh chị. Theo đó, ngày 05/9/2019 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới có Thông báo trả lời, hướng dẫn chị N như sau: Theo nội dung đơn chị trình bày thì chị phải cung cấp, giao nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ (trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này) như sổ tay mà chị nêu trong đơn có chữ ký của chị H... thể hiện nội dung chị chỉ nợ anh T, chị H số tiền gốc 40.000.000 đồng để Tòa án có cơ sở xem xét. Đồng thời anh chị phải có mặt tại các phiên làm việc, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án; Đối với nội dung chị cho rằng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T có một số hành vi vi phạm pháp luật, nếu có căn cứ thì chị làm đơn tố cáo gửi đến cơ quan Công an để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, từ đó đến nay bị đơn cũng không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án cũng như không có mặt tại các phiên họp, phiên làm việc, phiên tòa.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa theo thời gian quy định. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N không có mặt tại địa phương, đồng thời Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản cần tổng đạt cho bị đơn. Điều đó cũng phù hợp với xác nhận của Công an thành phố Đồng Hới tại Công văn số 2352/ CA ĐH-QLHC ngày 14 tháng 8 năm 2019 gửi Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới về việc phối hợp trao đổi thông tin của công dân thể hiện: anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 3, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, số hồ sơ hộ khẩu: 1982; chủ hộ: Nguyễn Thành V. Hiện tại anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N không có mặt ở địa phương. Hiện anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N đi đâu làm gì cũng không khai báo cho chính quyền địa phương cũng như không cung cấp cho phía nguyên đơn và cố tình không liên lạc, thể hiện việc anh V, chị N cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H cũng đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thế T – đồng nguyên đơn ủy quyền cho chị H tham gia tố tụng và quyết định mọi nội dung liên quan vụ việc: Chị Nguyễn Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nay Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 225.000.000 đồng tại giấy cam kết ngày 15/3/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và giấy hẹn

ngày 15/02/2018 với số tiền 85.000.000 đồng mà anh V, chị N đã ký vay. Đồng thời, vì phía bị đơn đang khó khăn nên để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ gốc thì Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án tính lãi suất với khoản vay trên. Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn trả lãi. Chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay gốc 225.000.000 đồng trên cho Nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định còn vắng mặt không có lý do chính đáng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc 225.000.000 đồng trên cho Nguyên đơn. Việc Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn trả khoản nợ vay gốc tại giấy vay nợ ký ngày 01/4/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và rút yêu cầu buộc bị đơn trả lãi là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố 3, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình, theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Theo nguyên đơn trình bày do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên nguyên đơn có cho bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N vay tiền qua nhiều lần khác nhau. Khi đến hạn trả nợ các khoản vay thì vợ chồng anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn. Dù nhiều lần nguyên đơn hỏi thúc và tạo điều kiện thanh toán cho vợ chồng anh V chị N nhưng đều không có kết quả. Do

không có tiền trả cho nên các bên mới thỏa thuận viết giấy nhận nợ, các bên không thỏa thuận tiền lãi, chỉ thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay là 225.000.000 đồng (tại giấy cam kết ngày 15/3/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và giấy hẹn ngày 15/02/2018 với số tiền 85.000.000); không yêu cầu trả lãi. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp liên quan đến số tiền trên là tranh chấp kiện đòi lại tài sản thuộc trường hợp vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra Thông báo thụ lý vụ án và gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng bị đơn không đến Tòa theo thời gian quy định. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn nhưng không tiến hành giao nhận được (có lập biên bản) vì hiện nay anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N không có mặt tại địa phương, đồng thời Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản cần tổng đạt cho bị đơn. Hiện anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N đi đâu làm gì cũng không khai báo cho chính quyền địa phương cũng như không cung cấp cho phía nguyên đơn và cố tình không liên lạc, thể hiện việc anh V, chị N cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng theo luật định không có kết quả. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo luật định để đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 và đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn bằng cách gửi bảo đảm và niêm yết tại nơi cư trú của bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2019/QĐST-DS ngày 25/9/2019; Phiên tòa mở lại vào ngày 24/10/2019 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai và nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự ra Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2019/QĐST-DS ngày 24/10/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 22/11/2019 đồng thời tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng nói trên cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt tại phiên tòa lần thứ ba. Bị đơn anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N trong quá trình tiến hành tố tụng và giải quyết vụ án thì anh V, chị N đều vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù anh chị biết rõ chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T đã khởi kiện anh chị yêu cầu trả nợ vay nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho Nguyên đơn số tiền gốc đã vay là 225.000.000 đồng tại giấy cam kết ngày 15/3/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và giấy hẹn ngày 15/02/2018 với số tiền

85.000.000 đồng mà bị đơn đã ký vay. Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì ngày 04 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình nhận được Bản tường trình của chị Trần Thị N gửi theo đường bưu điện. Đơn đệ ngày 22/8/2019 với nội dung chị trình bày đã biết vụ việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” mà Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 và anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1976 có địa chỉ Tổ dân phố 2, V, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Bình; trong đơn chị thừa nhận và cam kết đến hết dương lịch này vợ chồng chị về thì anh chị xin trả tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi trả theo lãi ngân hàng và trả sau tiền gốc; Bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để phản bác yêu cầu của nguyên đơn, cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì có đủ cơ sở khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp lệ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày khoản tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn là nợ chung của vợ chồng anh V, chị N vì mục đích vay tiền là để đầu tư phát triển kinh tế gia đình. Do đó, cần buộc anh V, chị N có trách nhiệm liên đới phải trả cho anh T, chị H số tiền trên là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với việc Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn trả khoản nợ vay gốc tại giấy vay nợ ký ngày 01/4/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và rút yêu cầu buộc bị đơn trả lãi là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn – anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 225.000.000 đồng x 5% = 11.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 357, Điều 463, Điều 466; khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1976 và anh Nguyễn Thế T; sinh năm: 1976.

Buộc anh Nguyễn Thành V, sinh năm: 1971 và chị Trần Thị N, sinh năm: 1976 liên đới phải trả số tiền gốc đã vay cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T tổng cộng là **225.000.000 đồng** tại giấy cam kết ngày 15/3/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và giấy hẹn ngày 15/02/2018 với số tiền 85.000.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản nợ vay gốc tại giấy vay nợ ký ngày 01/4/2017 với số tiền 140.000.000 đồng và yêu cầu buộc bị đơn trả lãi vay.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1 Buộc Bị đơn anh Nguyễn Thành V và chị Trần Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

3.2 Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thế T số tiền tạm ứng án phí 10.208.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000866 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa